

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :298

Sang : mì sợi thòt nam mỗp cà rốt bắp gia
rau hung
Sữa grow
Trổa : Côm tôm rim thòt cà rốt nam
Canh gia hẽ nầu hũ nam tôm kho thòt heo
nác
Món xao : nầu que
Xe: Sữa grow
Xe chieu: Hũ tũu bơ viên nam cà rốt gia rau
hung hạnh tay

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36999				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom khoi	200	78,100	156,200
3	Tom bien	5,000	34,970	1,748,500
4	Nồc măm Cà (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nông cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ máy	17,000	2,630	447,100
9	Ngô (bắp) tồit	1,000	4,200	42,000
10	Nầu phụ (nầu hũ)	3,500	3,300	115,500
11	Hũ tũu	16,000	1,820	291,200
12	Hạnh lã	900	8,400	75,600
13	Hạnh cụ tồit	1,000	6,300	63,000
14	Cà rốt	7,000	5,670	396,900
15	Gia nầu xanh	3,500	2,730	95,550
16	Mỗp	2,000	4,520	90,400
17	Nầu cò ve (tồit)	3,500	7,770	271,950
18	Rau hung	200	12,920	25,840
19	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
20	Hẽ lã	3,600	6,090	219,240
21	Hạnh tay	500	3,570	17,850
22	Mì sợi	7,000	7,700	539,000
23	Banh chà	1,000	18,700	187,000
24	Thòt lỏn nác	13,000	17,850	2,320,500
25	Thòt bơ loại 1	2,500	37,800	945,000
Cong				8,750,230
*XUẤT KHO				
26	Sữa bột Abbott Grow	11,100	20,500	2,275,500
Cong				2,275,500
Tổng tiền thức phẩm				11,025,730 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏc chi trong ngày				11026000(đ)
Số đõ nầu ngay				0(đ)
Số đõ cuoi ngày				270(đ)
Xuất ăn luy ke tồ nầu thang				
Tieu chuan luy ke tồ nầu thang				
Tiền chi luy ke tồ nầu thang				